TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG** Bản án số: **93**/2023/HNGĐ-ST Ngày: 29-8-2023 "*Tranh chấp về ly hôn*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đắc Thắng.
Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hạt, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 304/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thanh L, sinh năm 1973. Có mặt
Địa chỉ: tổ H, ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1977. Có đơn xin vắng mặt
Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Thanh L *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị K có thời gian quen biết tìm hiểu và tiến tới chung sống với nhau vào năm 1995, hôn nhân do anh chị tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 1995 nhưng cho đến nay anh và chị K không có làm giấy đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống có hạnh phúc; đến năm 2000 anh và chị K có phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không hợp nhau và thường hay cải nhau, từ đó không còn niềm tin với nhau; sự việc mâu thuẫn này đã được cha mẹ khuyên bảo nhưng anh chị không thể hàn gắn lại được và vợ chồng cũng tự ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay.

Nay anh xét thấy chung sống với chị Nguyễn Thị K không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và để trả lại tự do cho nhau và anh cũng hết tình cảm với chị K. Vì vậy anh làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều .

- Về con chung: Anh và chị K chung sống có được 01 con chung tên Lê Thị Diễm T (giới tính nữ), sinh năm 29/3/1996, hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh trình bày không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2023 và quá trình giải quyết, bị đơn chị Nguyễn Thị K *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh L có thời gian quen biết tìm hiểu và tiến tới chung sống với nhau vào năm 1995, hôn nhân do anh chị tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 1995 nhưng cho đến nay anh chị không có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống có hạnh phúc; đến năm 2000 anh chị bắt phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không hợp nhau và thường hay cải nhau, từ đó không còn niềm tin với nhau; sự việc mâu thuẫn này đã được người thân khuyên bảo nhưng anh chị không thể hàn gắn lại được, giữa chị và anh L cũng đã tự ly thân với nhau từ năm 2000 đến nay.

Nay chị xét thấy chung sống với anh Lê Thanh L không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và để trả lại tự do cho nhau. Qua yêu cầu xin ly hôn của anh L thì chị hoàn toàn thống nhất ly hôn với anh L.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị trình bày thống nhất với ý kiến của anh L và không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Thanh L và chị Nguyễn Thị K là quan hệ vợ chồng; Về con chung cháu Lê Thị Diễm T (giới tính nữ), sinh năm 29/3/1996 đã trưởng thành nên miễn xét; về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên anh Lê Thanh L khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị K được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Anh Lê Thanh L và chị Nguyễn Thị K xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1995, hôn nhân do anh chị tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống cho đến nay anh chị cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn là đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn với nhau nhưng do hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử Luật Hôn nhân và gia đình đã được sửa đổi, bổ sung nên theo Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cần căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân của anh, chị là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh Lê Thanh L và chị Nguyễn Thị K có được 01 con chung tên là Lê Thị Diễm T (giới tính nữ), sinh năm 29/3/1996 và đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Lê Thanh L và chị Nguyễn Thị K xác định không có tài sản chung và không yêu cầu xem xét nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Lê Thanh L và chị Nguyễn Thị K xác định anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ anh Lê Thanh L phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Thanh L và chị Nguyễn Thị K là quan hệ vợ chồng.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Lê Thanh L phải chịu án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0000644,

ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh L đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (là ngày 29/8/2023).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tôn